

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/DS-ST

Ngày 19-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Trung

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân khu vực 15
- Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 314/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đồng Tấn V, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2025).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1957;.

2. Ông Đỗ Sỹ B, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số nhà F, đường N, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/6/2025, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đồng Tấn V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Hồng N trình bày:

Ông Đồng Tấn V là người cung cấp cám thức ăn chăn nuôi cho gia đình bà Nguyễn Thị Kim C (còn gọi là chị ba N1) từ năm 2010. Hai bên thực hiện mua bán hàng thực như sau: Bà C gọi đặt hàng mua cám qua điện thoại, có khi là ông B (con trai bà C) gửi tin nhắn đặt mua cám thông qua số điện thoại 0374.148.979 gửi đến số điện thoại 0913.175.060 của ông V; sau khi nhận được tin nhắn đặt mua cám, ông V sẽ cho nhân viên giao cám cho bà C, bà C trực tiếp nhận hàng và chốt số tiền phải thanh toán. Bà C thanh toán theo hình thức là chuyển này bà C đặt hàng thì sẽ thanh toán cho số hàng đã đặt vào chuyển trước; thời gian trả tiền không cố định hàng tháng. Giao dịch giữa hai bên kéo dài ổn định từ năm 2010; bà C trả tiền đúng theo số lượng cám đặt mua.

Đến ngày 21/3/2023, thì bà C nhận đặt số cám cuối cùng là 95 bao, bà C đã trả cho ông V số tiền 30.000.000 đồng của những lần đã mua cám trước và hai bên thống nhất số tiền bà C còn nợ ông V là 495.591.000 đồng. Bà C đồng ý số tiền nợ này và có ghi xác nhận chữ ký chị 3 Nhựt (nhựt là chồng bà C)) vào cuốn sổ giao hàng. Đến ngày 01/02/2024, bà C trả cho ông V thêm 180.000.000 đồng; và ký xác nhận còn nợ ông V 315.591.000 đồng; phía dưới dòng chữ có ghi “chị 3 Nhựt” là chữ ký xác nhận đồng ý nợ của bà C. Ngoài ra, ông Đỗ Sỹ B (là con trai bà C) còn đặt mua cám vào các ngày: 13/10/2022, 26/10/2022, 16/11/2022, 30/11/2022, 13/01/2023. Sau đó, bà C không tiếp tục trả nợ, ông V có gọi điện thoại trao đổi với bà C nhiều lần để mong bà C về vấn đề trả nợ nhưng bà C không hợp tác.

Nay, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B phải liên đới thanh toán cho ông Đồng Tấn V số tiền nợ gốc là 315.591.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 21/3/2023 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tạm tính là 02 năm là 60.000.000 đồng; tổng cộng: 375.591.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Ngày 19/5/2025, ông V có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Đỗ Sỹ B. Ông V chỉ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán cho ông Đồng Tấn V số tiền nợ gốc: 315.591.000 đồng và tiền lãi: 60.000.000 đồng; tổng cộng: 375.591.000 đồng.

Ngày 09/6/2025, ông V sửa đổi nội dung khởi kiện như sau: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B phải liên đới thanh toán cho ông Đồng Tấn V số tiền nợ gốc: 315.591.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/3/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025) là: 60.000.000 đồng; tổng cộng: 375.591.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định cho đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C: Thống nhất với lời trình bày của ông V về thời gian mua cám, cách thức trả tiền cũng như số tiền bà C còn nợ ông V là 315.591.000 đồng; lý do mà bà C chậm trả tiền là vì ông Vũ N2 việc giao cám cho bà C vào ngày 21/3/2023 mà không thông báo trước; khi nào có tiền thì bà C sẽ trả cho ông V vì bây giờ bà C không có tiền. Đối với tiền lãi thì bà C mong ông V cho bà C không phải trả vì nay bà C không còn nuôi heo, công việc không ổn định.

Bà C là người có trách nhiệm trả nợ cho ông V nên bà C đề nghị Tòa án không đưa ông B tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án vì bà C là người trực tiếp giao dịch mua cám với ông V và trả tiền cho ông V; ông B không có liên quan trong vụ án.

Bị đơn ông Đỗ Sỹ B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà C trả nợ số tiền gốc: 209.076.000 đồng; tiền lãi: 48.784.400 đồng; tổng cộng: 257.860.400 đồng; yêu cầu bà C với ông B liên đới trả số tiền gốc: 106.515.000 đồng; tiền lãi: 24.853.000 đồng; tổng cộng: 131.368.500 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 21/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Về phía bị đơn bà C đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 315.591.000 đồng; về tiền lãi thì bị đơn không đồng ý.

Bị đơn ông B vắng mặt.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Bà C, ông V thống nhất vào ngày 21/3/2023, bà C còn nợ ông V tiền gốc là 495.591.000 đồng; đến ngày 01/2/2024, bà C đã trả cho ông V số tiền 180.000.000 đồng, số tiền gốc bà C còn nợ là 315.591.000 đồng. Do đó đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cung cấp Vi bằng số 554/2025/VB-TPL do Thừa phát lại thành phố B lập ngày 13/8/2025 có nội dung: Ông V có sử dụng số điện thoại 0913.175.060 và ông B sử dụng số điện thoại 0374148979 (lưu tên Bằng con chị C) để trao đổi nội dung liên quan đến việc ông B đặt hàng cám và ông V vào các ngày: 13/10/2022, 26/10/2022, 16/11/2022, 30/11/2022, 13/01/2023. Căn cứ vào vi bằng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà C và ông B liên đới thanh toán số tiền gốc 315.591.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/3/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 19/8/2025).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Đồng Tấn V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B liên đới thanh toán số tiền mua cám nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà F, đường N, khu phố G, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cụ thể: ngày 09/5/2025, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập ông B lấy lời khai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/5/2025; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 27/6/2025; do ông B vắng mặt nên Tòa án hoãn lại phiên họp và tổng đạt giấy triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 02 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 21/7/2025 (bút lục số: 56, 57, 61); ông B vắng mặt không có lý do.

Ngày 21/7/2025, Tòa án tổng đạt thông báo số 04/TB-TA ngày 21/7/2025 về việc yêu cầu bị đơn trình bày ý kiến và Thông báo kết quả phiên họp số 01/TB-TA ngày 21/7/2025 cho ông B; giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 01 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 08/8/2025 (bút lục 47, 67, 70); ông B vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa và tổng đạt giấy triệu tập lần 02 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 19/8/2025 nhưng ông B tiếp tục vắng mặt không có ký do chính đáng; nên xem như ông B từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tòa án xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Đồng Tấn V và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất: Ông V là người cung cấp cám thức ăn chăn nuôi cho gia đình bà Nguyễn Thị Kim C (còn gọi là chị ba N1) từ năm 2010. Hai bên thực hiện mua bán hàng thực như sau: Bà C gọi đặt hàng mua cám qua điện thoại; sau khi nhận được tin nhắn đặt mua cám, ông V sẽ cho nhân viên giao cám cho bà C, bà C trực tiếp nhận hàng và chót số tiền phải thanh toán. Bà C thanh toán theo hình thức là chuyển

này bà C đặt hàng thì sẽ thanh toán cho số hàng đã đặt vào chuyển trước; thời gian trả tiền không cố định hàng tháng. Giao dịch giữa hai bên kéo dài ổn định từ năm 2010; bà C trả tiền đúng theo số lượng cảm đặt mua; hai bên thống nhất vào ngày 21/3/2023, bà C còn nợ ông V tiền gốc là 495.591.000 đồng; đến ngày 01/02/2024, bà C đã trả cho ông V số tiền 180.000.000 đồng, số tiền gốc bà C còn nợ là 315.591.000 đồng. Do đó đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông V khởi kiện và chứng minh bị đơn bà C, ông B còn nợ số tiền mua hàng hóa là cảm gồm tiền gốc: 315.591.000 đồng; tiền lãi: 60.000.000 đồng; tổng cộng 375.591.000 đồng. Bà C thừa nhận có nợ ông V số tiền gốc 315.591.000 đồng, thừa nhận tiền lãi nhưng đề nghị ông V cho bà C không phải trả vì nay bà C không còn nuôi heo, công việc không ổn định.

Ông V cung cấp Vi bằng số 554/2025/VB-TPL do Thừa phát lại thành phố B lập ngày 13/8/2025 (bút lục 72 - 85) có nội dung: Ông V có sử dụng số điện thoại 0913.175.060 và ông B sử dụng số điện thoại 0374148979 (lưu tên Bằng con chị C) để trao đổi nội dung liên quan đến việc ông B đặt hàng cảm và ông V giao cảm cho ông B như sau:

Ngày 13/10/2022, ông B nhắn tin đặt mua 50 bao loại 211 và 05 bao loại 218; ông V nhắn tin “ok”.

Ngày 26/10/2022, ông B nhắn tin đặt mua 30 bao loại 216 và 30 bao loại 211; ông V nhắn tin “ok”.

Ngày 16/11/2022, ông B nhắn tin đặt mua 60 bao loại 211 và 30 bao loại 216; ông V nhắn tin “ok”.

Ngày 30/11/2022, ông B nhắn tin đặt mua 25 bao loại 216 và 60 bao loại 211; ông V nhắn tin “ok”.

Bà C không thừa nhận số điện thoại 0374148979 là của ông B; tuy nhiên, giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc hành vi cụ thể. Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản (Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015); nội dung tin nhắn giữa ông V và ông B có thỏa thuận về đối tượng, quyền và nghĩa vụ, giá cả, thời hạn... nên được coi là giao dịch dân sự. Theo quy định tại các Điều 385, 400, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết; hợp đồng được giao kết có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Do đó, bà C, ông B có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông V số tiền gốc 315.591.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày

19/8/2025), với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 440, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 21/3/2023 đến ngày 19/8/2025 là 02 năm 04 tháng 28 ngày x 10%/năm x 315.591.000 đồng = 76.092.491 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông V chỉ yêu cầu bị đơn bà C, ông B liên đới thanh toán số tiền lãi: 73.637.400 đồng; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà C, ông B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông V số tiền lãi 73.637.400 đồng.

[2.3] Tổng số tiền gốc và lãi bà C, ông B phải liên đới trả cho ông V là 389.228.400 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật;
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các Điều: 119, 357, 385, 400, 401, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Tấn V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đồng Tấn V số tiền 389.228.400 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm đồng); trong đó: tiền gốc: 315.591.000 (ba trăm mười lăm triệu, năm trăm chín mươi một nghìn đồng); tiền lãi: 73.637.400 đồng (bảy mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Sỹ B có nghĩa vụ liên đới chịu 19.461.420 đồng (mười chín triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi đồng).

Thi hành án dân sự Thành phố H trả cho ông Đồng Tấn V số tiền 9.390.000 đồng (chín triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009428 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự K – Thành phố Hồ Chí Minh).

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND K – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự khu vực 15 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Kim Thoa